

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh
nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường**

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp các chuyên ngành: địa chính, điều tra tài nguyên môi trường, dự báo khí tượng thủy văn, kiểm soát khí tượng thủy văn, quan trắc tài nguyên môi trường và đo đạc bản đồ làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập dự xét thăng hạng lên hạng II.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp các chuyên ngành tài nguyên và môi trường

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp các chuyên ngành tài nguyên và môi trường được đăng ký dự xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ).

2. Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật có vị trí việc làm ứng với chức danh viên chức dự xét thăng hạng.

3. Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

4. Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III ở chuyên ngành đăng ký dự xét hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III ở chuyên ngành đăng ký dự xét tối thiểu 01 năm (12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III ở chuyên ngành đăng ký dự xét không liên tục thì được cộng dồn).

5. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các thành tích công tác sau:

a) Chủ trì hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

b) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề án, dự án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được cấp có thẩm quyền ban hành, thông qua, nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc đưa vào sử dụng, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện xác nhận;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện xác nhận;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật hoặc văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được cấp có thẩm quyền ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

đ) Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên hoặc có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trở lên.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB(5).NT.



10